TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Cẩm T, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Y Q, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Hồ Minh Ch, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N C, xã Đ Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 06/12/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Cẩm T trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị và anh Hồ Minh C chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 19/4/2014 âl, anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của Nhà nước. Thời gian chung sống chị và anh C có 01 người con chung tên Trần Hà V, sinh ngày 10/10/2015, hiện nay chị đang nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ, chị và anh C không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị. Trong quá trình chung sống thì chị và anh C thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân anh Chắc không quan tâm chăm sóc vợ con, không chăm lo làm ăn phụ giúp chị nuôi con mà đi chơi cùng bè bạn, nhiều lần chị khuyên ngăn nhưng anh C vẫn không thay đổi, đến năm 2016 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng trở nên trầm trọng hơn nên chị về nhà mẹ ruột chị sinh sống. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Minh C;

- Về quan hệ con chung: Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Hà V, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

** Bị đơn anh Hồ Minh C*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên Toà án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tại biên bản xác minh ngày 04/3/2019, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Chị Trần Cẩm T và anh Hồ Minh C chung sống với nhau thường xảy ra cự cải với nhau, bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị T sống ly thân với anh C gần 02 năm nay, chị T và anh C có 01 người con chung hiện nay chị T đang nuôi dưỡng.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm*: Sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân Trần Cẩm T, đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn ngày 03/12/2018, giấy khai sinh Trần Hà V, đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 03/12/2018, biên bản xác minh ngày 04/3/2019.

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Trần Cẩm T yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Minh C. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Hà V, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Minh C vắng mặt đến lần thứ hai không có ly do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp, phiên tòa là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Trần Cẩm T và anh Hồ Minh C chung sống với nhau vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị T và anh C là vợ chồng; về con chung, anh chị có được 01 đứa con chung tên Trần Hà V, sinh ngày 10/10/2015, hiện nay chị T đang nuôi dưỡng. Khi anh chị ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, anh C không ý kiến gì và chị T là người đang trực tiếp nuôi nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị tên Trần Hà V, sinh ngày 10/10/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chị T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Cẩm T yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Minh C và tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Hồ Minh C cư trú tại ấp N C, xã Đ Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh C nhưng anh C không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh C, nhưng anh C vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai chị T không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh C chung sống với nhau vào năm 2014 đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã nơi một trong hai người cư trú)* là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Trần Cẩm T yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Minh C nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Cẩm T và anh Hồ Minh C là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Chị T và anh C có 01 người con chung tên Trần Hà V, sinh ngày 10/10/2015 hiện nay chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con, anh C không ý kiến yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của chị T, giao con chung của anh chị tên Trần Hà V, sinh ngày 10/10/2015 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị T xác định chị và anh C không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu

cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Cẩm T và anh Hồ Minh C là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của chị T và anh C tên Trần Hà V, sinh ngày 10/10/2015 cho chị Trần Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng, Trần Hà V hiện nay đang chung sống với chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị T xác định chị và anh C không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005877 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân

sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Cẩm T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

6. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 23/5/2019. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Sang).

Trần Văn Thảo